

Bản án số: 338/2021/HC-PT

Ngày 28 tháng 5 năm 2021

“Khiếu kiện quyết định hành chính  
về giải quyết khiếu nại”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 24, 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 777/2020/TLPT-HC ngày 21 tháng 12 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 824/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Trương Thanh B. Địa chỉ: Số 720, tổ 24, khu vực Q, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2021):** Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1974 (có mặt). Địa chỉ: Số 183 Nguyễn Đình C, phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Luật sư Trương Thị Minh T - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (có văn bản xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Quốc lộ 91, khu vực L, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Quận ủy Quận N (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 91, khu vực L, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trương Thanh B là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Trương Thanh B trình bày:* Vào năm 1996, sau khi bị giải tỏa nhà dọc theo kinh lộ theo Chỉ thị 200, ông B được lãnh đạo Huyện ủy N bán cho một nền thổ cư 300m<sup>2</sup> tại khu vực vườn Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu, thời điểm đó ông B cũng đã nộp cho Nhà nước số tiền là 2.900.000 đồng vào ngày 05/8/1996 theo Phiếu thu của Văn phòng Huyện ủy N. Sau đó, ông B làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân quận N lại ban hành Công văn 1186/UBND-NC ngày 16/5/2019 lấy lý do phiếu thu 2.900.000 đồng không thể hiện nội dung thu tiền và không thể hiện cơ quan nào thu, không sử dụng phần đất này từ trước đến nay nên đã từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

Ngày 30/7/2019, ông B có gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N để khiếu nại Công văn 1186/UBND-NC ngày 16/5/2019. Đến ngày 30/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định 1793/QĐ-UBND tiếp tục bác khiếu nại của ông B đối với yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 là không đúng, làm thiệt thòi quyền lợi ích hợp pháp của ông B. Do đó, ông B yêu cầu hủy Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết khiếu nại.

- *Tại văn bản số 45/UBND-NC ngày 07/01/2019 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N có ý kiến:* Ngày 30 tháng 7 năm 2019, ông Trương Thanh B gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận N về việc khiếu nại Công văn số 1186/UBND-NC ngày 16 tháng 5 năm 2019. Ngày 31/7/2019 UBND quận N có quyết định số 1558/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh. Ngày 22 tháng 8 năm 2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận có Báo cáo số 125/BC-PTNMT về kết quả kiểm tra, xác minh đơn khiếu nại của ông Trương Thanh B với nội dung: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ và quá trình làm việc với ông Trương Thanh B, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận nhận thấy ông B cho rằng các cơ quan chức năng có hứa cấp cho ông 01 phần đất tại khu đất do Huyện ủy quản lý mà không cung cấp được các giấy tờ pháp lý để chứng minh cho việc sử dụng đất hợp pháp của ông như: Quyết định giao đất, biên lai nộp tiền sử dụng đất tại cơ quan có chức năng thu tiền sử dụng đất... Ông B chỉ cung cấp được Phiếu thu ngày 05 tháng 8 năm 1996 (phiếu thu không thể hiện nội dung thu tiền sử dụng đất và không thể hiện cơ quan nào thu tiền) ngoài ra ông B không trực tiếp sử dụng phần đất này từ trước đến nay.

Đối chiếu quy định hiện nay thì Phiếu thu ngày 05 tháng 8 năm 1996 không phải là một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Ngoài ra, phần đất của ông Trương Thanh B nêu trên nằm trong thửa đất 389 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000057 ngày 08/8/1994 cho Tỉnh ủy Cần Thơ (nay là Thành ủy Cần Thơ) nên Ủy ban nhân dân quận cũng không có cơ sở xem xét cấp giấy nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Thanh B. Đối với số tiền 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) qua kiểm tra nhận thấy ông B có nộp cho Văn phòng Huyện ủy do vậy số tiền này cần phải xem xét trả lại cho ông Trương Thanh B.

Từ những lý do trên, việc ông B căn cứ vào Phiếu thu ngày 05 tháng 8 năm 1996 để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Do đó ngày 30 tháng 8 năm 2019, UBND quận N ban hành Quyết định 1793/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Thanh B (lần đầu) với nội dung: Giữ nguyên Công văn số 1186/UBND-NC ngày 16/5/2019 và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trương Thanh B về việc khiếu nại Công văn số 1186/UBND-NC ngày 16 tháng 5 năm 2019.

*Ngày 06/3/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quận ủy quận N có ý kiến:* Từ trước đến nay Quận ủy N không ban hành quyết định giao đất cho ông Trương Thanh B, phiếu thu ngày 05/8/1996 với số tiền 2.900.000 đồng không có nội dung chứng minh cụ thể. Về việc ông Trương Thanh B yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét giải quyết đúng theo quy định pháp luật.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 18; Điều 27; Điều 29, Điều 30; Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/8/2020 người khởi kiện ông Trương Thanh B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đồng thời đề nghị quý tòa xem xét giải quyết cho ông được nhận một nền thổ cư vì hiện nay nền này còn bỏ trống.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện ông Trương Thanh B có bà Nguyễn Thị Phương T làm đại diện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, hủy quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; yêu cầu xem xét cấp nền thổ cư còn bỏ trống cho ông Trương Thanh B.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:* Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện N không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trương Thanh B là không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ, mâu thuẫn với báo cáo của UBND, báo cáo của ban Thanh Tra quận N. Bởi lẽ: Năm 1996 Huyện ủy huyện N có chủ trương cấp 43.920m<sup>2</sup> đất cho 47 hộ tương ứng với 47 lô nền trong đó có hộ Trương Thanh B. 45 hộ đã được UBND huyện N cấp đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại 02 hộ tương ứng với 02 lô nền trong đó có 01 lô của ông B hiện đang bỏ trống; tại biên bản giải quyết nền thổ cư khu vườn Huyện ủy quản lý ngày 25/8/2008 huyện ủy huyện N có thừa nhận đã nhận của ông B số 2.900.000 đồng; tại báo cáo số 144/BC-UBND Ngày 16/10/2012 của UBND huyện N cũng đã ghi nhận 02 lô nền chưa giao trong đó có 01 lô đã nộp tiền nhưng chưa giao

nền do ông B đã có nền nhà ở địa phương; tại báo cáo số 21/BC-TTr ngày 25/01/2016 của Thanh Tra quận N có nội dung: Hiện nay tại khu vườn do Quận ủy N quản lý đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số trường hợp là cán bộ và đã xây cất nhà ở từ năm 1996 đến nay (trừ trường hợp ông Trương Thanh B) trong đó có hộ ông Nguyễn Huỳnh Nghiêm cũng đã được cấp nền theo chủ trương của Huyện ủy N và cũng đã nộp số tiền cho Văn phòng huyện ủy huyện N 2.900.000 đồng, ông Nghiêm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng cho người khác là một phần diện tích đất của cơ sở đường cát An Khang. Từ những chứng cứ nêu trên, Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND quận N không xem xét toàn diện diễn biến chủ trương từ năm 1996 của huyện ủy huyện N đã gây thiệt hại đến quyền lợi của ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện N, đề UBND quận N xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu của ông B được nhận đất thì định giá nền đất có vị trí nằm giữa thửa đất 1014 và thửa 1058 tại khu vực Q, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ theo giá thực tế để bồi thường cho ông B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành đúng quy định của pháp luật nên đề nghị bác kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Thanh B trong thời hạn luật định, ông B là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Do đó đơn kháng cáo của ông B hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người khởi kiện ông Trương Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N là quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại điều 3 khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định bị khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định 1793/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND quận N ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[3.2] Xét trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Người khởi kiện ông B khai vào năm 1996 khi giải tỏa nhà dọc theo kinh lộ, theo chủ trương của Huyện ủy huyện N cấp cho mỗi cán bộ một nền thổ cư 300m<sup>2</sup> tại khu

vực vườn Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu do Huyện ủy huyện N quản lý và mỗi hộ phải nộp tiền là 2.900.000 đồng. Ngày 05/8/1996 ông B nộp tiền tại Văn phòng huyện ủy huyện N đủ số tiền 2.900.000 đồng. Sau đó ông B làm đơn yêu cầu được công nhận đất và cấp quyền sử dụng đất nhưng chưa được giải quyết.

Ngày 16/5/2019 UBND quận N ban hành Công văn số 1186/UBND-NC về việc thông báo kết quả đến ông Trương Thanh B và không có cơ sở để Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết yêu cầu của ông B. Không đồng ý với thông báo của UBND huyện N. Ông B có đơn khiếu nại ngày 30/7/2019.

Ngày 30/8/2019 Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định 1793/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Thanh B (lần đầu) với nội dung: Giữ nguyên Công văn số 1186/UBND-NC ngày 16/5/2019 và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trương Thanh B về việc khiếu nại Công văn số 1186/UBND-NC ngày 16 tháng 5 năm 2019.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận N, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 1793/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận N.

### [3.3] Xét căn cứ ban hành quyết định:

Người khởi kiện ông B khai: Vào ngày 08/8/1993 Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tỉnh ủy Cần Thơ – Huyện ủy N diện tích 63.300m<sup>2</sup> đất CDK thuộc thửa 389 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại vườn Bạch Đàn khu 1 thuộc ấp Q, xã T, huyện N. Đến năm 1996 do thực hiện việc di dời, giải tỏa nhà trên kênh cấp tuyến Quốc lộ 91, Huyện ủy huyện N có chủ trương cấp nền thổ cư cho cán bộ và mỗi nền phải nộp số tiền 2.900.000 đồng. Văn phòng Huyện ủy huyện N đã ra Phiếu thu ngày 05/8/1996 nhận của ông B với số tiền 2.900.000 đồng. Sau đó ông B nhiều lần làm đơn yêu cầu nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được xem xét giải quyết.

Người bị kiện UBND quận N cũng đã trình bày: Khi Thực hiện Chỉ thị 200/TTg ngày 29/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên tuyến Quốc lộ 91 thuộc địa bàn huyện N cũ, năm 1996 UBND huyện N có chủ trương thực hiện việc di dời, giải tỏa đối với các hộ dân có nhà xây sát trên kênh tuyến Quốc lộ 91. Ông B là một trong các hộ di dời, giải tỏa. Tuy nhiên ông B yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông không đưa ra được cái tài liệu chứng minh như Quyết định giao đất, biên lai nộp tiền sử dụng đất mà chỉ cung cấp phiếu thu tiền ngày 05/8/1996 (phiếu thu không thể hiện nội dung thu tiền sử dụng đất và không thể hiện cơ quan nào thu tiền). Ngoài ra ông B không trực tiếp sử dụng phần đất này và không biết được vị trí, kích thước, diện tích đất được cấp. Đối chiếu với quy định hiện hành thì phiếu thu ngày 05/8/1996 là không phù hợp và không phải là một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó ông B yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở xem xét.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo ông B yêu cầu hủy quyết định số 1793/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận N. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo báo cáo số 144/BC-UBND ngày 16/10/2012 (BL số 14) UBND quận N về kết quả khảo sát tài sản do Văn phòng Thành ủy Cần Thơ quản lý đã xác định: Vườn

bạch đàn 1 địa chỉ ấp Q, T, quận N, thành phố Cần Thơ... Từ năm 1990 đến năm 1997 Huyện ủy N san ủi mặt bằng và cấp cho 47 hộ là cán bộ của Quận ủy, các ban xây dựng đảng... đợt 1: Cấp cho 31 hộ diện tích 37.200m<sup>2</sup> đất; đợt 2: Cấp cho 16 hộ diện tích 6.720m<sup>2</sup> (02 lô chưa giao diện tích 840m<sup>2</sup>). Còn lại 02 lô nền chưa giao, trong đó 01 nền đã nộp tiền nhưng chưa giao nền do ông Trương Thanh B hiện ông đang khiếu nại và một nền là kênh thủy lợi hiện đã được san lấp. Hướng đề nghị Thành ủy chỉ đạo Thường trực UBND thành phố Cần Thơ giao Sở tài Nguyên và Môi trường phối hợp với UBND quận đo đạc, cắm mốc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích sử dụng.

Ngày 25/01/2016 Thanh tra quận N cũng có báo cáo số 21/BC.TTr kiến nghị: Khu vườn do Quận ủy N đang quản lý cấp Quốc lộ 91 đã được cấp giấy chứng nhận cho một số trường hợp là cán bộ Quận ủy, các ban xây dựng đảng, Ủy ban mặt trận tổ quốc quận và các đoàn thể của quận. Các trường hợp này đã cư ngụ tại đây và cất nhà ở từ năm 1996... bên cạnh đó một số trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã thực hiện việc chuyển nhượng sang tên lại cho người khác tiếp tục sử dụng. Thanh tra quận N có nhận xét và kiến nghị: Căn cứ về quy định, chủ trương tại thời điểm năm 1996, ông Trương Thanh B đã đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 01 nền thổ cư tại khu vườn do huyện ủy N quản lý trước đây, nay là Quận ủy N đang quản lý.

Tuy nhiên, tại Công văn số 1186/UBND-NC ngày 16/5/2019 của UBND quận N cho rằng ông B chỉ cung cấp được phiếu thu tiền 2.900.000 đồng vào ngày 05/8/1996 (phiếu thu không thể hiện nội dung thu tiền sử dụng đất và không thể hiện cơ quan nào thu tiền) không đủ điều kiện để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là này không phù hợp với báo cáo số 144/BC-UBND ngày 16/10/2012 và báo cáo số 21/BC.TTr ngày 25/01/2016 thể hiện tại hồ sơ.

Mặt khác, tại đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B cũng xác định phần nền thổ cư của ông B có vị trí nằm giữa thửa đất 1014 của bà Tư Sang và thửa đất 1058 của ông Cường hiện còn đang bỏ trống phù hợp với Văn bản số 2061/UBND-NC ngày 22/7/2020 của UBND quận N xác định: theo bản phát thảo sơ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất tại thực địa có thửa đất nằm ngay giữa tiếp giáp với thửa đất 1014 (bên trái) và thửa đất 1058 (bên phải).

Như vậy có căn cứ xác định việc ông B đã nộp tiền theo phiếu thu ngày 05/8/1996 để nhận nền thổ cư phù hợp với chủ trương của UBND huyện N và Huyện ủy huyện N vào thời điểm năm 1996 do Huyện ủy N cấp cho cán bộ tại phần đất thuộc thửa 389 khu vườn bạch đàn 1 địa chỉ ấp Q, T, quận N, thành phố Cần Thơ - Huyện ủy N quản lý. Theo báo cáo số 144/BC-UBND thì đã giao đất cho 45 hộ/47 hộ, hiện trạng còn lại 01 nền của ông B chưa giao và một nền là kênh thủy lợi đã được san lấp. Ủy ban nhân dân quận N cho rằng ông B không đưa ra được tài liệu chứng minh như Quyết định giao đất, biên lai nộp tiền sử dụng đất mà chỉ cung cấp phiếu thu tiền ngày 05/8/1996 (phiếu thu không thể hiện nội dung thu tiền sử dụng đất và không thể hiện cơ quan nào thu tiền), ông không trực tiếp sử dụng phần đất này và không biết được vị trí, kích thước, diện tích đất được cấp nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 để ban hành Công văn số 1186/UBND-NC Ngày 16/5/2019 là có sự mâu thuẫn và không thống nhất với nội dung của báo cáo số 144/BC-UBND ngày 16/10/2012 UBND quận N và báo cáo xác minh số 21/BC.TTr của Thanh tra huyện N ngày 25/01/2016, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông B.

Không đồng ý với Công văn số 1186/UBND-NC ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận N, ông B khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số: 1793/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông Trương Thanh B Giữ nguyên Công văn số: 1186/UBND-NC ngày 16/5/2019 là chưa đủ căn cứ.

Do đó chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Thanh B và lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Trương Thanh B ngụ khu vực Q, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Đề Ủy ban nhân dân quận N và chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N xem xét giải quyết lại yêu cầu của ông Trương Thanh B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật như đã phân tích trên.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là chưa phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hành chính:

- Do sửa án nên án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại: Ông B khởi kiện được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông B kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh B. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 18; Điều 27; Điều 29, Điều 30; Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Trương Thanh B: Hủy Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Trương Thanh B ngụ khu vực Q, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Án phí hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Trương Thanh B không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Thúy Hồng**